

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ D
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23-3-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ D, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1118/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T; sinh năm 1985; thường trú: Thôn An Lâm, xã T, huyện H, tỉnh Q; tạm trú: Số 7/10 khu phố Tân Lập, phường Đ, thị xã D, tỉnh B; Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Tấn V, sinh năm 1985; thường trú: Đội 10, thôn Trà Long; tạm trú: Số 7/10 khu phố Tân Lập, phường Đ, thị xã D, tỉnh B; Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 21/10/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị Lê Thị T và anh Lê Tấn V có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện T, tỉnh Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/2013, quyền số 01/2013 ngày 25/5/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của gia đình anh Lê Tấn V tại xã BT, huyện T, tỉnh Q, đến giữa năm 2014 vợ chồng chuyển về thị xã D, tỉnh B sinh sống cho đến nay.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn, đến giữa năm 2014, anh Lê Tấn V chơi cờ bạc gây nợ nần và thường xuyên nhậu nhẹt, xúc phạm chị Lê Thị T và vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Với mong muốn anh Lê Tấn V thay đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị Lê Thị T cùng con đã về quê tại Quảng Nam sinh sống từ năm 2015 đến năm 2017 nhưng anh Lê Tấn V không thay

đôi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị Lê Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Tấn V.

Hiện nay, chị Lê Thị T đang làm công nhân, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng/tháng, anh Lê Tấn V làm công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Minh K, sinh ngày 28/01/2014. Sau khi ly hôn chị Lê Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Lê Tấn V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Tấn V có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 18/12/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng anh Lê Tấn V trình bày:

Thông nhất với lời khai của chị Lê Thị T về quá trình tìm hiểu và việc đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn lớn nhưng trong quá trình chung sống anh Lê Tấn V có đi uống rượu, mắng chửi vợ, con và có đánh bài nên xảy ra nợ riêng. Anh Lê Tấn V xác định vẫn còn yêu thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn.

Hiện nay chị Lê Thị T làm công nhân, thu nhập hàng tháng bao nhiêu anh Lê Tấn V không rõ. Anh Lê Tấn V làm công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 28/01/2014. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh Lê Tấn V đồng ý giao con chung cho chị Lê Thị T được trực tiếp nuôi con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị T và bị đơn anh Lê Tấn V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Lê Thị T và anh Lê Tấn V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Tấn V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện T, tỉnh Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/2013, quyền số 01/2013 ngày 25/5/2013 nên quan hệ hôn nhân của chị Lê Thị T và anh Lê Tấn V là hợp pháp. Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Lê Thị T thấy rằng: Chị Lê Thị T và anh Lê Tấn V đều thống nhất, sau khi kết hôn thời gian ngắn thì anh Lê Tấn V đã đánh bài, gây nợ và có lời lẽ xúc phạm chị Lê Thị T nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải

thương yêu, quý trọng, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Lê Tấn V đã phát sinh từ lâu, do anh Lê Tấn V không tôn trọng chị Lê Thị T thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm và anh Lê Tấn thường xuyên chơi bài, gây nợ nần, không vun đắp về tài chính, tiền bạc trong gia đình. Mâu thuẫn của anh Lê Tấn V và chị Lê Thị T đã diễn ra trong thời gian dài, vợ chồng đã cho nhau nhiều cơ hội để thay đổi nhằm vun vén hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh Lê Tấn V và chị Lê Thị T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống anh Lê Tấn V và chị Lê Thị T có 01 con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 28/01/2014, chị Lê Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt, quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, trong quá trình tố tụng anh Lê Tấn V đồng ý giao con chung cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời chị Lê Thị T là người có khả năng lao động, có thu nhập ổn định và cháu Lê Minh K còn nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận nguyện vọng của chị Lê Thị T về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị T về việc không yêu cầu anh Lê Tấn V cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Lê Tấn V không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Tấn V (Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2013, quyển số 01/2013 ngày 25/5/2013 do Ủy ban nhân dân xã BT, huyện T, tỉnh Q cấp)

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Minh K, sinh ngày 28/01/2014 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị T và anh Lê Tấn V đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Lê Tấn V lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Lê Thị T nuôi con thì chị Lê Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị T về việc không yêu cầu anh Lê Tấn V cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0029705 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân thị xã D, tỉnh B. Anh Lê Tấn V không phải nộp.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thị xã D (1);
- CC THADS thị xã D (1);
- TAND tỉnh B (1);
- UBND X.Bình Trung, H.Thăng Bình, T. Quảng Nam (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Kiều Thị Uyên**